

CÂY DẦU CHOÒNG (*DELAVAYA TOXOCARPA* FRANCH.) - MỘT LOÀI CÂY TIÊN PHONG TRONG VIỆC PHỤC HỒI RỪNG Ở VÙNG NÚI ĐÁ VÔI

HÀ MINH TÂM

Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2

NGUYỄN KHÁC KHÔI, VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Ở nước ta, núi đá vôi chiếm hầu hết diện tích của các huyện vùng cao thuộc các tỉnh biên giới phía Bắc suốt từ Lai Châu, Lào Cai qua Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn đến Quảng Ninh và các tỉnh khác như Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Ninh Bình, ... Hệ thực vật trên núi đá vôi vốn rất giàu các loài cây gỗ quý như: đinh, sến, trai, nghiến,...nhưng cho đến nay, do việc khai thác quá mức, các loài trên đã trở nên rất hiếm. Mặt khác, do cấu tạo địa chất và các điều kiện tự nhiên khác, rừng trên núi đá vôi khi đã không còn các loài cây gỗ và mất nguồn gieo giống tự nhiên, thì hoàn toàn không có khả năng tự phục hồi. Trong khi đó, những giải pháp phục hồi rừng ở những vùng này lại chưa được quan tâm đúng mức.

Trong số các loài cây bản địa còn sót lại thì dầu choòng là loài cây gỗ có khả năng nảy mầm trong các hốc đá và phát triển rất tốt ở vùng núi đá khô cần này, tạo độ che phủ ban đầu nơi "núi đá trọc". Vì vậy có thể coi đây là loài cây tiên phong trong việc phục hồi rừng ở các vùng núi đá vôi.

Cây dầu choòng, còn có tên là mắc rạc, mạy choòng, mạy dầu dừ, có tên khoa học là *Delavaya toxocarpa* Franch. 1886 (tên đồng nghĩa là *Delavaya yunnanensis* Franch. 1889), thuộc họ Bồ hòn (Sapindaceae Juss.).

1. Đặc điểm hình thái

Dầu choòng thuộc loại cây bụi hay cây gỗ nhỏ, thường xanh, cao 10-12 m, đôi khi cao hơn, đường kính đến 30 cm; cành non hình cột tròn, màu nâu đỏ. Lá kép, mọc cách, gồm 3 lá chét; cuống lá dài 3-5 cm; lá chét giữa hình bầu dục

dài hay mũi mác dạng tròn dài, có kích thước 7-15 × 2,5-5 cm; lá chét hai bên hơi nhỏ hơn, đầu nhọn dài, gốc hơi nhọn hay hẹp dần, mép có răng tù đều, răng hơi cong vào; gân bậc hai gồm 10-20 đôi, nổi rõ ở cả 2 mặt; cuống lá chét giữa dài 6-10 mm, cuống lá chét hai bên dài 2-3 mm hay gần như không cuống. Cụm hoa hình chùy, dài 6-12 cm, mọc ở đỉnh cành; lá bắc hình mũi mác, dài 2 mm, phủ lông hơi rậm. Hoa đa tính với bao hoa mẫu 5, màu trắng hay màu hồng, có mùi thơm. Cuống hoa dài 4-7 mm, phủ lông. Đài rời, xếp lợp, lá đài hình bầu dục, hình tròn hay trứng ngược, không đều nhau, dài 3-5 mm, có lông, tồn tại ở quả. Cánh hoa hình bầu dục dài hay hình bầu dục, dài 4-8 mm, mặt trong gốc cánh hoa có 1 vảy xẻ 2 thùy; đầu vảy dạng tua, có lông thưa. Triển tuyến mặt có dạng ngắn hay dạng chén nông, mặt trên có sóng mỏng. Nhị 8, đính phía trong triển tuyến mặt, hơi thò ra khỏi tràng ở hoa đực, ở hoa cái và hoa lưỡng tính có chỉ nhị ngắn hơn; chỉ nhị hình dài, dài 2 mm, nhẵn hay có lông; bao phấn hình trứng, đính lưng, mở hướng vào trong (ở hoa cái bao phấn không mở). Bầu có cuống ngắn, gần hình cầu, phủ đầy lông nhỏ màu trắng xám, 2-3 ô, mỗi ô có 2 noãn; vòi nhụy hình dùi, thường ngắn hơn bầu; núm nhụy thường không chia thùy. Quả nang hình tim ngược, khi chín màu đỏ tím, cao 2-2,5 cm, rộng 3-3,5 cm, cuống có dài tồn tại; quả gồm 2-3 phân quả hình trứng ngược hay gần hình cầu, giữa các phân quả có vòi nhụy ngắn tồn tại; vỏ quả dạng da hay hoá gỗ, có vân nhẵn theo chiều dọc. Hạt hình cầu hay gần hình cầu, màu đen, bóng, có vân dọc từ gốc (giống như hạt nhãn); rốn hạt (sẹ) hình tròn hay hình trứng, màu trắng; hạt không có từ y.

2. Đặc điểm sinh học và sinh thái

Dầu chòong thích hợp với vùng khí hậu nhiệt đới đến cận nhiệt đới mưa mùa, có nhiệt độ trung bình năm 15,9-19,9°C, lượng mưa năm 1538-1571 mm, có 4-6 tháng khô. Đây là loại cây trung tính, thiên về chịu bóng, nằm ở tầng 2-3 của thảm cây rừng. Nơi rừng bị chặt phá mạnh hay đất quá cằn cỗi thì chúng là cây bụi. Thường mọc rải rác trong rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới mưa mùa ẩm, ở độ cao 250-2000 m, trên núi đá vôi hay núi đất, nơi cằn cỗi. Tốc độ sinh trưởng và phát triển tương đối nhanh, sau 4-5 năm có thể đạt chiều cao 4-5 m, đường kính gốc 6-10 cm và đã bắt đầu ra hoa. Mùa ra hoa từ tháng 4-6 và mùa quả chín từ tháng 8-10 hàng năm. Đây là loại cây có tập tính ra hoa đậu quả không đều ở các năm khác nhau (nếu năm trước sai quả thì năm kế tiếp sau đó thường ít quả). Cây tái sinh bằng hạt hay bằng chồi.

3. Công dụng

Về mặt khoa học, Dầu chòong là nguồn gen hiếm và độc đáo, là đại diện duy nhất của chi *Delavaya* đặc hữu của Nam Trung Quốc - Bắc Việt Nam. Về mặt tài nguyên, đây là loài cây cho gỗ cứng và nặng, dùng trong xây dựng hay trong các cấu trúc mang tính chất tạm thời, làm cán nông cụ (cuốc, xẻng, dao phát...); gỗ còn được dùng để sản xuất than hầm rất có giá trị. Hạt cho dầu béo, dùng chế xà phòng, dầu bôi trơn, chữa nẻ và có thể làm phụ gia trong công nghiệp mỹ phẩm.

4. Kỹ thuật gieo trồng

Dầu chòong là một trong số ít các loài cây bản địa có khả năng sinh trưởng và phát triển rất tốt trên núi đá vôi, kỹ thuật gieo trồng rất đơn giản.

Tiến hành thu gom hạt vào tháng 8-10 (khi quả chín). Bảo quản hạt bằng cách thu gom được đến đâu phải dàn mỏng ra và để ở nơi râm mát đến đó, không được vun thành đống, không được bọc kín (vì hạt chứa dầu béo). Để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm được cao, cần gieo hạt càng sớm càng tốt, thời gian bảo quản hạt không quá 3 tháng vì khi đó tỷ lệ nảy mầm sẽ rất thấp.

Mật độ và khoảng cách: khoảng cách lý tưởng cho cây dầu chòong ở vùng núi đá vôi là 1,5 x 1,5 m (khoảng 4500 cây/ha). Tuy nhiên,

đôi khi điều kiện địa hình lại có tính quyết định tới khoảng cách và mật độ nêu trên.

Thời vụ gieo: thường từ tháng 8 (ngay khi thu gom được hạt) đến tháng 12.

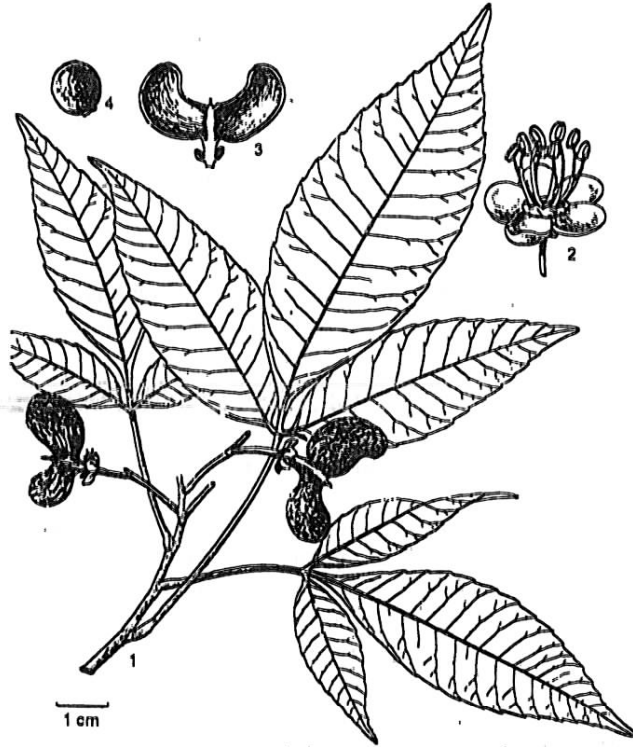
Cách gieo: mỗi hốc đã định trước (chỉ cần có một ít đất là được) được bỏ một đến vài hạt, sau đó lấp một lớp đất đủ kín. Khi có đủ nhiệt độ và ẩm độ cần thiết (chậm nhất là đến vụ mưa xuân đầu năm sau) hạt sẽ tự nảy mầm. Theo kinh nghiệm của dân địa phương thì nên tiến hành gieo hạt ở độ cao từ lưng chừng núi trở lên nhằm tránh thiệt hại do trâu bò thả giồng gây ra. Mặt khác, khi cây đã cho quả thì hạt sẽ được phát tán tiếp xuống phía dưới, đỡ tốn công gieo hạt.

Chăm sóc: sau 3 năm, tiến hành chặt tỉa những cây cong queo hoặc chậm phát triển. Vì dầu chòong là loại cây có khả năng tái sinh rất mạnh, thậm chí cây tái sinh còn có thể cho kích thước lớn hơn cây gieo bằng hạt, cho nên ở những cây được chặt tỉa thì chồi sinh trưởng rất nhanh. Khi đó, tùy mục đích mà tiến hành tỉa bớt các chồi non cho hợp lý (đối với chồi tái sinh ở những cây đã cho thu hoạch cũng có cách chăm sóc như ở cây con được chặt tỉa). Khi đã tạo được độ che phủ nhất định (khoảng 3-4 năm), có thể tiến hành trồng xen một số loài cây bản địa có giá trị kinh tế và hiệu quả sinh thái cao hơn.

Như vậy, từng bước ta đã biến núi đá trọc (không có cây thân gỗ) thành rừng cây dầu chòong thuần loại (giá trị kinh tế chưa cao), rồi rừng cây bản địa nhiều loài, nhiều tầng, có giá trị kinh tế và hiệu quả sinh thái cao hơn.

5. Kết luận

Dầu chòong là loại cây có thể tạo ra thảm thực vật cây gỗ đầu tiên trên núi đá vôi mà không cần đến vườn ươm, không cần nước tưới. Do đặc điểm phát tán của hạt và khả năng tái sinh chồi rất mạnh, cho nên có thể coi "dầu chòong là cây trồng một lần, cho thu hoạch nhiều lần". Đây là một loài cây gây giống phục vụ việc phục hồi rừng hết sức lý tưởng cho vùng núi đá vôi thiếu nước, khô cằn. Khi có đủ độ che phủ ban đầu do cây dầu chòong (đôi khi còn có cả một số loài cây tiên phong khác) tạo ra, ta có thể đưa các loài cây gỗ và cây dược liệu bản địa có giá trị kinh tế cao hơn vào trồng xen kẽ.



Delavaya toxocarpa Franch.

1. Cành mang quả, 2. Hoa đực đã tách tràng, 3. Quả, 4. Hạt
(hình theo H. S. Lo & T. C. Chen, 1985)

Xã Phúc Sen thuộc huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng là xã di đầu và có nhiều kinh nghiệm gieo trồng cây dâu chòong trên núi đá vôi, nhằm đáp ứng nhu cầu củi đun và phục vụ nghề lò rèn của xã. Đến nay, tại xã Phúc Sen trên cơ sở sử dụng dâu chòong là cây tiên phong, đã xây dựng một mô hình phục hồi rừng trên núi đá vôi gồm các loài cây gỗ quý như lát hoa, nghiến và một số cây có giá trị kinh tế như mắc mật, mắc thuốc, bình vôi... Đây được coi là bước "đột phá khâu", khẳng định rằng chúng ta có thể phục hồi rừng ở các vùng núi đá vôi trơ trọi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Auctors, 1972: Iconographia Cormophy-

torum Sinicorum, NXB Bắc Kinh, 2: 722 (tiếng Trung Quốc).

2. Nguyễn Tiến Bàn, 1997: Nghiên cứu cơ sở khoa học phục hồi hệ sinh thái rừng vùng cao núi đá vôi (tại Cao Bằng) bằng các loài cây gỗ quý bản địa. Kỷ yếu Hội nghị khoa học - công nghệ các tỉnh miền núi phía Bắc lần thứ 5, tại Sơn La.
3. Nguyễn Tiến Bàn, 1998: Phục hồi rừng ở vùng núi đá vôi các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam bằng các loài cây gỗ quý bản địa, một ý tưởng khả thi trong chương trình trồng 5 triệu ha rừng của nhà nước. Kỷ yếu hội nghị khoa học - công nghệ các tỉnh miền núi phía Bắc lần thứ 6 tại Sa Pa, Lào cai.

4. Nguyễn Tiến Bàn và cs., 2001: Tuyển tập các công trình nghiên cứu sinh thái học và tài nguyên sinh vật (1996-2000) : 503. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
5. Lo H. S., T. C. Chen, 1985: Flora Reipublicae Popularis Sinicae., 47(1): 67 (tiếng Trung Quốc) NXB Bắc Kinh.
6. Phạm Hoàng Hộ, 1992: Cây cỏ Việt Nam, 2(1): 409. Montréal.
7. Nhiều tác giả, 1996: Sách Đỏ Việt Nam, phần thực vật: 116. NXB KH&KT, Hà Nội.
8. Viện Điều tra quy hoạch rừng, 1986: Cây gỗ rừng Việt Nam, 7. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
9. Xu, Y. C., 1991: Iconographia Arbororum Yunnanicorum: 658. NXB Kunming (tiếng Trung Quốc).

DELAVAYA TOXOCARPA FRANCH. - A PIONEER SPECIES USED TO REFOREST THE LIMESTONE MOUNTAINS

HA MINH TAM, NGUYEN KHAC KHOI, VU XUAN PHUONG

SUMMARY

Delavaya toxocarpa Franch. (*Sapindaceae* Juss.) is a small tree. This species is a native plant in Vietnam. If scattered in hollow rocks, its seeds can germinate themselves and develop very well on the limestone mountains which have not any trees. When they become adult plants, we can intercrop many valuable trees, which establish a reforested model on limestone mountains. This reforested model was constructed in the Phuocsen commune (Quanghoa district of Caobang province).

Ngày nhận bài: 3-7-2002